

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TMT21B** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH03108** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Kiến trúc máy tính**
Số tín chỉ: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD		
1	21BTMT0001	Amach	Aly	13/02/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
2	21BTMT0002	Huỳnh Công	Hiền	21/03/2006				6	6	7				6.0		6.2
3	21BTMT0003	Phạm Hữu	Khang	26/02/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
4	21BTMT0004	Đỗ Anh	Khôi	30/06/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
5	21BTMT0005	Nguyễn Trọng	Khương	27/10/2006				7	6	7				6.5		6.5
6	21BTMT0006	Huỳnh Trung	Kiến	28/06/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
7	21BTMT0007	Huỳnh Tuấn	Kiệt	25/07/2006				5	6	6				8.5		7.4
8	21BTMT0008	Nguyễn Bá	Lộc	06/01/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
9	21BTMT0009	Lễ Tấn	Luân	30/06/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
10	21BTMT0010	Nguyễn Hoàng	Luân	09/10/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
11	21BTMT0011	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	14/11/2005				7	6	7				8.0		7.4
12	21BTMT0012	Nguyễn Hoàng	Nam	02/12/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
13	21BTMT0013	Đặng Bình	Nguyễn	15/08/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
14	21BTMT0014	Phạm Quỳnh	Như	27/03/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
15	21BTMT0015	Nguyễn Phú	Quý	26/03/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
16	21BTMT0016	Mund Sour Hô	Sen	10/02/2005				0	0	0				0.0	0.0	0.0
17	21BTMT0017	Ngô Quốc	Thái	04/11/2004				0	0	0				0.0	0.0	0.0
18	21BTMT0018	Nguyễn Văn	Thiệu	10/12/2005				5	7	6				6.0		6.1
19	21BTMT0019	Võ Minh	Thuận	09/04/2005				0	0	0				0.0	0.0	0.0
20	21BTMT0020	Đoàn Thị Bảo	Trần	25/04/2006				7	8	9				9.5		9.0
21	21BTMT0021	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	12/10/2005				0	0	0				0.0	0.0	0.0
22	21BTMT0334	Nguyễn Hoàng	Nam	15/08/2003				6	8	8				9.5		8.7

Châu Đốc, ngày 6 tháng 7 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Thanh Cường